

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH QUẢN LÝ DỰ ÁN
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: Phòng Kinh tế xã Kiến Minh

Công ty Cổ phần kiến trúc xây dựng Hải Nguyên báo cáo hoàn thành quản lý dự án công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình: Sửa chữa hệ thống kênh xây xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng.

2. Địa điểm xây dựng:

- Xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng.

3. Tổng mức đầu tư ban đầu: 2.408.522.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm linh tám triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng./.)

Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Đã phê duyệt	Quyết toán	Tăng (+), Giảm (-)
1	Chi phí xây lắp	1.997.925.000	1.997.925.000	
2	Chi phí Quản lý dự án	65.232.000	65.232.000	
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	239.904.000	239.904.000	
4	Chi phí khác	15.310.000	15.310.000	
5	Dự phòng chi	70.151.000		-70.151.000
	Tổng cộng	2.408.522.000	2.338.371.000	-70.151.000

4. Danh sách các nhà thầu:

- Chủ đầu tư:	Phòng Kinh tế xã Kiến Minh
- Tư vấn QLDA:	Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Hải Nguyên
- Tư vấn Thiết kế:	Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Viễn Đông
- Tư vấn Thẩm tra:	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ Hải Phòng
- Tư vấn Đấu thầu:	Không
- TV Giám sát:	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ Hải Phòng
- Thi công:	Công ty TNHH xây dựng Định Sơn
- Bảo hiểm:	Không

- Kiểm toán:	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính AFECO Việt Nam
--------------	---

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành:

- Khởi công: Ngày 06 tháng 01 năm 2026

- Hoàn thành: Ngày 28 tháng 02 năm 2026

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú
			Hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch	
1	Phá lớp vữa trát tường cũ	m2	2.754,684	2.754,684	0,0	
2	Phá dỡ thanh giằng, tường cũ bằng máy khoan bê tông 1,5kW	m3	97,140	97,140	0,0	
3	Đào bùn trong mọi điều kiện, bùn lẫn rác	m3	254,053	254,053	0,0	
4	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	406,286	406,286	0,0	
5	Vận chuyển bằng thủ công 10m khối điểm - vận chuyển phế thải các loại	m3	406,286	406,286	0,0	
6	Vận chuyển bằng thủ công 240m tiếp theo - vận chuyển phế thải các loại	m3	406,286	406,286	0,0	
7	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	406,286	406,286	0,0	
8	Vận chuyển phế thải tiếp 2km bằng ô tô - 5,0T	m3	406,286	406,286	0,0	
9	Bê tông đáy kênh, đá 1x2, rộng ≤250cm, vữa BT M200, PCB30	m3	62,552	62,552	0,0	
10	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75, PCB30	m2	2.410,704	2.410,704	0,0	
11	Đổ bê tông thanh giằng, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	3,420	3,420	0,0	
12	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn cọc, cột	100m2	0,867	0,867	0,0	
13	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép cột, cọc, cừ, xà dầm, giằng, đường kính ≤ 10mm	tấn	1,464	1,464	0,0	
14	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng ≤ 50kg	tấn	297,000	297,000	0,0	
15	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	3,797	3,797	0,0	
16	Đất địa phương (k=1.1)	m3	417,646	417,646	0,0	
	*/ Xây lại đoạn kênh bị đổ				0,0	

17	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq$ 1m, sâu $\leq$ 1m, đất cấp II	m3	55,000	55,000	0,0	
18	Đóng cọc tre bằng thủ công, chiều dài cọc $\leq$ 2,8m vào đất cấp II	100m	119,210	119,210	0,0	
19	Cát đen lót móng	m3	8,515	8,515	0,0	
20	Bê tông móng kênh, đá 1x2, vữa BT M250, PCB30	m3	25,545	25,545	0,0	
21	Ván khuôn gia cố móng kênh	m2	48,732	48,732	0,0	
22	Rải nylon lót	100m2	1,703	1,703	0,0	
23	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây tường kênh, vữa XM mác 75, PCB30	m3	147,365	147,365	0,0	
24	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75, PCB30	m2	1.751,640	1.751,640	0,0	
25	Quét nhựa bitum và dán giấy dầu, 1 lớp giấy 1 lớp nhựa	m2	36,493	36,493	0,0	
	Vận chuyển vật liệu thủ công từ đường lớn vào công trình				0,0	
26	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Cát các loại	m3	206,901	206,901	0,0	
27	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Cát các loại	m3	206,901	206,901	0,0	
28	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Đá các loại	m3	81,168	81,168	0,0	
29	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Đá các loại	m3	81,168	81,168	0,0	
30	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Đất các loại	m3	417,646	417,646	0,0	
31	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Đất các loại	m3	417,646	417,646	0,0	
32	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Gạch xây các loại	1000v	81,051	81,051	0,0	
33	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Gạch xây các loại	1000v	81,051	81,051	0,0	
34	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Xi măng bao	tấn	79,054	79,054	0,0	
35	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Xi măng bao	tấn	79,054	79,054	0,0	
36	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Tre, cây chống	100 cây	51,928	51,928	0,0	

37	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Tre, cây chống	100 cây	51,928	51,928	0,0	
38	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Sắt thép các loại	tấn	1,513	1,513	0,0	
39	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 240m tiếp theo - Sắt thép các loại	tấn	1,513	1,513	0,0	

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế:

- Đảm bảo chất lượng, đạt yêu cầu về kỹ thuật so với hồ sơ thiết kế.

8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

- Công trình đã hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Chất lượng đảm bảo. Thi công đúng quy trình quy phạm kỹ thuật.

Đề nghị Phòng Kinh tế xã Kiến Minh tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN
TRÚC XD HẢI NGUYỄN**



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hùng